TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:202/2023/DS-PT
Ngày: 20/11/2023
V/v: tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ánh Bình
Các Thẩm phán: -Ông Đặng Văn Lộc
-Ông Nguyễn Văn Trường

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đỗ Thị Bích Liễu - Thẩm tra viên Tòa án nhân nhân tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:*** bà Lữ Thị Tuyết Lan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2023/TLPT-DS ngày 23 tháng 10 năm 2023, về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 235/2023/QĐ-PT, ngày 02 tháng 11 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Bé H, sinh năm 1971. Địa chỉ: ấp Thành H, xã Thành Tr, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Lê Phan Hoàng D (Công ty luật TNHH MTV Cửu Long) thuộc đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2.Bị đơn:
-Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1976 (có mặt)
-Ông Phan Thanh T, sinh năm 1976 (có mặt)
Cùng địa chỉ: ấp Hòa A, xã Nguyễn Văn Th1, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người có quyền lợi , nghĩa vụ liên quan:
-Bà Lê Thị L, sinh năm 1956 (có mặt)
Địa chỉ: ấp Hòa A, xã Nguyễn Văn Th1, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long
-Anh Phan Văn Vĩnh C, sinh năm 2000 (có mặt)
Địa chỉ: ấp Hòa A, xã Nguyễn Văn Th1, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long
Do có kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bé H là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/6/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 06/9/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé H trình bày:

Vào ngày 26/3/2022 bà Nguyễn Thị Th và ông Phan Thanh Tcó vay của bà số tiền 60.000.000đ. Bà Th, ông T thế chấp cho bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Lê Thị L là mẹ của ông T là đứng tên và bà L là người bảo lãnh để cho bà Th và ông T vay số tiền trên, thời hạn vay 06 tháng, kể từ ngày 26/3/2022 đến ngày 26/9/2022, có làm biên nhận. Lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, bà đã giao đủ tiền cho bà Th và ông T.

Đến ngày 08/11/2022 bà Th và ông T có trả cho bà số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), còn lại 20.000.000đ hẹn cuối tháng 01/2023 trả đủ. Đồng thời bà Th, ông T mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cho bà L tách thửa đất.

Đến ngày 03/03/2023 dương lịch bà Th mượn tiếp của bà số tiền 20.000.000đ, không có làm biên nhận, lúc đó bà Th đi cùng với con trai tên Phan Văn Vĩnh C đến lấy tiền. Tổng cộng bà Th nợ bà trước sau là 40.000.000đ tiền vốn.

Sau đó bà Th và ông T không trả lại số tiền trên, không đóng lãi, không giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà, mặc dù đã nhiều lần bà yêu cầu bà Th, ông T thanh toán số tiền còn nợ là 40.000.000đ, nhưng bà Th, ông T chỉ hứa hẹn mà không trả.

Bà khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Th, ông Phan Thanh T, bà Lê Thị L liên đới trả số tiền 20.000.000đ, lãi suất 1.66%/tháng, thời gian tính lãi từ tháng 03 đến tháng 9/2023 là 07 tháng = 2.324.000đ, tổng cộng 22.324.000đ.

Đối với số tiền 20.000.000đ vay sau thì bà Th và anh Phan Văn Vĩnh C có trách nhiệm trả, lãi suất 1.66%/tháng, thời gian tính lãi từ tháng 03 đến tháng 9/2023 là 07 tháng = 2.324.000đ, tổng cộng 22.324.000đ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Bà thống nhất có nợ bà Nguyễn Thị Bé H số tiền 20.000.000đ theo biên nhận ngày 26/3/2022, đóng lãi đến ngày 16/5/2023 dương lịch (quy định đóng lãi vào ngày 26/5/2023), nhưng bà đóng trước cho bà H. Nay bà đồng ý trả cho bà H tiền vốn 20.000.000đ và trả lãi theo yêu cầu của bà H.

Bà thừa nhận vào ngày 03/3/2023 âm lịch có mượn của bà H số tiền 20.000.000đ và hẹn một tháng sẽ trả, bà có đóng lãi tháng đầu là 600.000đ/tháng, đến tháng thứ hai bà đem tiền trả cho bà H xong. Số tiền này bà mượn chỉ mình bà biết, anh C và ông Phan Thanh T không biết bà mượn số tiền này và bà đã trả xong rồi, nay bà không đồng ý trả cho bà H nữa.

Ông Phan Thanh T trình bày: ông thống nhất có nợ bà H số tiền 20.000.000đ theo biên nhận, đồng ý trả vốn và trả lãi theo yêu cầu của nguyên đơn

Đối với số tiền 20.000.000đ mà bà Th mượn riêng ông không biết, ông không đồng ý trả.

Bà Lê Thị L trình bày: bà thống nhất có bảo lãnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà cho vợ chồng ông T, bà Th vay tiền của bà H là 60.000.000đ, đã trả được 40.000.000đ, còn nợ lại 20.000.000đ. Bà cũng thống nhất cùng ông T, bà Th trả số tiền 20.000.000đ cho bà H.

Anh Phan Văn Vĩnh C trình bày: anh có chở mẹ anh là bà Th đi trả cho bà H số tiền 40.000.000đ, đối với số tiền mẹ anh mượn 20.000.000đ anh hoàn toàn không biết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2023/DS-PT ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé H

Buộc bà Lê Thị L, ông Phan Thanh T, bà Nguyễn Thị Th có nghĩa vụ liên đới trả bà Nguyễn Thị Bé H số tiền 22.180.000 đồng (Trong đó tiền gốc là 20.000.000 đồng + tiền lãi là 2.180.000 đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé H đối với yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Th và anh Phan Văn Vĩnh C trả số tiền 20.000.000đ và tiền lãi 2.158.000đ.

Ngày 29/9/2023 bà Nguyễn Thị Bé H kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết:

Buộc ông Phan Thanh T và bà Nguyễn Thị Th có trách nhiệm trả cho bà số tiền mượn vào ngày 03/3/2023 là 20.000.000đ và tiền lãi phát sinh từ tháng 3 – 9/2023 là 2.324.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé H thay đổi một phần kháng cáo, không yêu cầu bà Nguyễn Thị Th trả tiền lãi, chỉ yêu cầu trả tiền mượn vào ngày 03/3/2023 âm lịch là 20.000.000đ, không thừa nhận có nhận 600.000đ tiền lãi của bà Th.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Th thừa nhận vào ngày 03/3/2023 âm lịch có mượn của bà Nguyễn Thị Bé H số tiền 20.000.000đ, có trả tiền lãi một tháng 600.000đ, đến cuối tháng 5/2023 dương lịch đã trả cho bà H xong, không còn nợ nên không đồng ý kháng cáo của bà H.

Ông Phan Thanh T trình bày: số tiền bà Th mượn của bà H 20.000.000đ vào ngày 03/3/2023 âm lịch ông không biết, nhưng ông có nghe bà Th nói lại với ông là trả cho bà H xong rồi, ông không mượn số tiền này nên không đồng ý kháng cáo của bà H.

Bà Lê Thị L và anh Phan Văn Vĩnh C không có ý kiến.

Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền lợi của nguyên đơn: bà Th thừa nhận vào ngày 03/3/2023 âm lịch có mượn của bà H số tiền 20.000.000đ và thừa nhận có dùng facebook nhắn tin cho bà H về việc mượn tiền, đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh. Bà Th trình bày đã trả nợ xong, nhưng bà Th không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh trả nợ, bà H không thừa nhận. Bà Th mượn số tiền này sử dụng cho gia đình nên yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ cùng bà Th trả nợ là có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm bà H rút lại yêu cầu đòi tiền lãi, chỉ yêu cầu trả tiền vốn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; Các đương sự có mặt thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thị Bé H. Sửa án sơ thẩm. Buộc bà Nguyễn Thị Th trả cho bà Bé H số tiền 19.400.000đ.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật

Về án phí:

Bà Th phải chịu án phí 19.400.000đ x 5% = 970.000đ

Bà Bé H phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là 300.000đ.

Án phí phúc thẩm: bà Bé H không phải chịu án phí phúc thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Ngày 18/9/2023 Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án, đến ngày 29/9/2023 nguyên đơn kháng cáo là còn trong thời hạn luật định, nguyên đơn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định nên kháng cáo được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần kháng cáo, không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi, việc thay đổi một phần kháng cáo của nguyên đơn không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu, nên hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nội dung:

[1] Xét kháng cáo của nguyên đơn;

Xét thấy: bị đơn bà Nguyễn Thị Th thừa nhận vào ngày 03/3/2023 âm lịch có mượn của nguyên đơn số tiền 20.000.000đ để sử dụng mục đích riêng, không có làm biên nhận và có trả cho nguyên đơn được một tháng tiền lãi với số tiền là 600.000đ, đến cuối tháng 5/2023 dương lịch đã trả cho nguyên đơn số tiền 20.000.000đ, khi trả chỉ có nguyên đơn và bị đơn, không có làm biên nhận, không có người làm chứng.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Bà Th thừa nhận ngày 03/3/2023 âm lịch có mượn của bà H số tiền 20.000.000đ nên bà H không phải chứng minh. Tuy nhiên bà Th cho rằng đã trả xong, không còn nợ, nhưng bà Th không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả số tiền 20.000.000đ cho bà H. Tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh: đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó. Bà Th cho rằng đã trả xong số tiền 20.000.000đ mượn vào ngày 03/3/2023 âm lịch, nhưng bà Th không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh trả tiền xong, bà H không thừa nhận nên không có căn cứ chấp nhận việc bà Th đã trả cho bà H số tiền 20.000.000đ. Tòa án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là chưa đúng, cần phải sửa án sơ thẩm về nội dung này. Tuy nhiên nguyên đơn thừa nhận số tiền này cho mượn không tính lãi và theo tờ tường trình ngày 16/8/2023 bà H thừa nhận có nhận tiền lãi của bị đơn là 600.000đ nên được trừ vào tiền vốn. Buộc bà Th có nghĩa vụ trả bà H số tiền 19.400.000đ là phù hợp.

[2] Xét nguyên đơn yêu cầu ông Phan Thanh T chồng của bị đơn có nghĩa vụ liên đới trả số tiền mượn 20.000.000đ vào ngày 03/3/2023 âm lịch là không có căn cứ, vì theo đơn khởi kiện bổ sung bà H yêu cầu bà Th và anh Phan Văn Vĩnh C con bà Th phải trả, đến khi kháng cáo bà H lại yêu cầu ông Phan Thanh T trả nợ là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Ông T không đồng ý cùng bà Th trả số tiền này cho bà H. Do đó không có căn cứ buộc ông T liên đới trả nợ.

[3]Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 66/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Buộc bà Th có nghĩa vụ trả bà H số tiền mượn vào ngày 03/3/2023 là 19.400.000đ.

Xét quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn có căn cứ chấp nhận một phần.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Án phí sơ thẩm: do chấp nhận một phần kháng cáo nên sửa án phí. Buộc bà Nguyễn Thị Th phải chịu 5% án phí đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn 19.400.000đ x 5% = 970.000đ

Buộc bà Nguyễn Thị Bé H phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000đ đối với số tiền 600.000đ không được chấp nhận.

Về án phí phúc thẩm: do sửa án sơ thẩm nên bà Bé H không phải chịu án phí phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé H;

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 66/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé H;

1.Buộc bà Nguyễn Thị Th có nghĩa vụ trả bà Nguyễn Thị Bé H số tiền 19.400.000đ (Mười chín triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án) đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.Về án phí sơ thẩm: buộc bà Nguyễn Thị Th phải chịu 970.000đ (Chín trăm bảy mươi nghìn đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị Bé H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.066.000đ theo biên lai số 0003027 ngày 21/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân. Hoàn trả bà Nguyễn Thị Bé H số tiền 766.000đ (Bảy trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

3.Về án phí phúc thẩm: do sửa án nên bà Nguyễn Thị Bé H không phải chịu án phí phúc thẩm.

Quyết định của bản án sơ thẩm buộc bà Lê Thị L, ông Phan Thanh T, bà Nguyễn Thị Th liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Bé H số tiền 22.180.000 đồng (trong đó tiền gốc là 20.000.000 đồng + tiền lãi là 2.180.000 đồng). Về án phí sơ thẩm: buộc bà Th, ông T nộp 739.000đ các nội dung này không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đặng Thị Ánh Bình